

# TÌM HIỂU THỰC TRẠNG KĨ NĂNG ĐỌC CỦA HỌC SINH LỚP 3 THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT

• **ThS. LÊ MỸ DUNG**

*Đại học Sư phạm Hà Nội*

Chương trình môn Tiếng Việt ở cấp Tiểu học với mục tiêu hình thành và phát triển ở học sinh các kĩ năng sử dụng Tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong môi trường hoạt động của lứa tuổi. Từ đây, có thể thấy kĩ năng đọc là một kĩ năng quan trọng hàng đầu của học sinh ở cấp học đầu tiên trong trường phổ thông. Nắm được thực trạng biết đọc của học sinh đầu cấp tiểu học sẽ giúp các nhà quản lí giáo dục, các giáo viên tiểu học, các bậc phụ huynh quan tâm và có những phương pháp tích cực hơn nữa để rèn luyện kĩ năng đọc cho trẻ, tạo điều kiện để các em tiếp thu kiến thức, kĩ năng ở những cấp học tiếp theo một cách tốt nhất. Xuất phát từ những lí do trên, trong năm học 2005- 2006, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu thực trạng kĩ năng đọc, phân tích nguyên nhân của thực trạng đó nhằm đề xuất một số kiến nghị sư phạm nhằm nâng cao kĩ năng đọc của học sinh lớp 3.

Trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày kết quả nghiên cứu kĩ năng đọc của học sinh lớp 3 theo nội dung chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt.

## 1. Một số vấn đề lí luận về kĩ năng đọc

Có nhiều quan niệm khác nhau về kĩ năng đọc, theo chúng tôi: Kĩ năng đọc là sự thực hiện có kết quả hành động đọc hiểu bằng cách vận dụng kiến thức và những kinh nghiệm đã có nhằm lĩnh hội nội dung văn bản cụ thể. Kĩ năng này thể hiện việc hiểu mục đích đọc, ở khả năng phát âm- ghép vần, nhận biết từ, dự đoán từ, liên kết ngữ nghĩa và hiểu nội dung văn bản.

Kĩ năng đọc bao gồm : Hiểu mục đích đọc, thực hiện các thao tác (nhận biết từ, dự đoán từ, liên kết ngữ nghĩa và hiểu nội dung) và các điều kiện tâm lí (trí giác, trí nhớ, tư duy, trình độ trí tuệ, trình độ ngôn ngữ, chú ý, hứng thú...) để thực hiện hành động có hiệu quả.

Dựa vào cơ sở lí luận về kĩ năng, hoạt động học tập và yêu cầu về kĩ năng đọc đối với học sinh theo nội dung, chương trình SGK Tiếng Việt lớp 3 hiện hành, chúng tôi cho rằng kĩ năng đọc của học sinh lớp 3 được thể hiện ở các chỉ số cơ bản sau:

- Nhận thức của học sinh đối với hoạt động đọc, thể hiện:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc học đọc, hiểu mục đích đọc. Học sinh phải biết

mình sẽ làm gì và đạt đến kết quả nào, biết được cách thức để đi đến kết quả đó.

+ Thái độ cảm xúc của học sinh khi học đọc: thể hiện sự yêu thích, hứng thú đọc.

+ Sự tích cực rèn luyện kĩ năng đọc của học sinh.

- Khả năng thực hiện các thao tác đọc hiểu văn bản, thể hiện:

+ Đọc trơn: Kĩ năng phát âm- ghép vần, thể hiện ngữ điệu, tốc độ đọc.

+ Đọc hiểu: Kĩ năng nhận biết từ, dự đoán từ, liên kết ngữ nghĩa, hiểu nội dung văn bản.

Chúng tôi đánh giá kĩ năng đọc của học sinh theo 3 mức độ:

- Mức 0: Mức độ đọc kém: Chưa nhận thức đúng về hoạt động đọc, đọc không đúng, không lưu loát, tốc độ chậm (<70 tiếng/ phút) và không hiểu nội dung văn bản. Có tổng số điểm <  $\bar{X} \pm 1SD$ .

- Mức 1: Mức độ đọc trơn (đọc thành tiếng). Nhận thức đúng về hoạt động đọc, đọc đúng, lưu loát, tốc độ đọc phù hợp (70 tiếng/ phút) và không hiểu hoặc hiểu chưa đầy đủ nội dung văn bản. Có tổng số điểm =  $\bar{X} \pm 1SD$ .

- Mức 2: Mức độ đọc hiểu: Nhận thức đúng về hoạt động đọc, đọc đúng, lưu loát, tốc độ đọc phù hợp (>70 tiếng/ phút) và thông hiểu nội dung văn bản. Có tổng số điểm >  $\bar{X} \pm 1SD$ .

## 2. Thực trạng kĩ năng đọc của học sinh lớp 3

Để tìm hiểu thực trạng kĩ năng đọc của học sinh, chúng tôi đã xây dựng các phiếu điều tra, 01 biên bản quan sát, 04 bài tập kiểm tra dựa trên các thành phần của kĩ năng đọc hiểu (theo nội dung và yêu cầu kĩ năng đọc của học sinh theo chương trình SGK Tiếng Việt lớp 3), tiến hành khảo sát thực tế hoạt động đọc của 450 học sinh lớp 3 và thu thập ý kiến của 450 phụ huynh học sinh (cha mẹ của các em được nghiên cứu) và các giáo viên của 02 trường tiểu học Nghĩa Tân và Khương Đình trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Kết quả nghiên cứu được tổng hợp ở bảng số liệu 1 cho thấy: Kĩ năng đọc của học sinh lớp 3 (theo chương trình SGK Tiếng Việt lớp 3) chưa tốt. Có 21,1% học sinh có kĩ năng ở mức đọc hiểu, 67,3% có kĩ năng ở mức đọc trơn và còn 11,6% học sinh có kĩ năng ở mức đọc kém theo yêu cầu về kĩ năng trong mục tiêu chương trình



giảng dạy môn Tiếng Việt.

Kĩ năng đọc của học sinh lớp 3 được đánh giá dựa vào kết quả tổng hợp của 3 yếu tố: nhận thức, kĩ năng đọc trơn và kĩ năng đọc hiểu.

\* Nhận thức, thái độ của học sinh lớp 3 đối với việc học đọc

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Đa số học sinh lớp 3 (94.4%) đã có nhận thức về đọc, trong đó có 38,8% có nhận thức tốt, hiểu mục đích và cách thức tiến hành hành động đọc có hiệu quả. Còn lại, phần lớn các em tuy rất thích đọc nhưng vẫn chưa thực sự nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc học đọc trong quá trình học tập của bản thân (bảng 2).

\* Kĩ năng đọc trơn của học sinh lớp 3

Bảng 1: Mức độ kĩ năng đọc của học sinh

Mức độ	Số lượng	%
Có kĩ năng ở mức đọc kém ( $M_0$ )	52	11,6
Có kĩ năng ở mức đọc trơn ( $M_1$ )	303	67,3
Có kĩ năng ở mức đọc hiểu ( $M_2$ )	95	21,1
Tổng số	450	100,0

Bảng 2: Nhận thức về đọc của học sinh lớp 3

Nhận thức	Số lượng	%
Kém	25	5,6
Trung bình	250	55,6
Tốt	175	38,8
Tổng	450	100,0

Bảng 3: Điểm trung bình kĩ năng đọc trơn của học sinh lớp 3

Kĩ năng	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Phát âm- ghép vần	450	0,79	0,40
Ngữ điệu	450	0,49	0,50
Tốc độ đọc	450	142,9	29,46
Đọc trơn	450	2,15	0,89

Bảng 4: Điểm trung bình kĩ năng đọc hiểu của học sinh

Đọc hiểu	N	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
Nhận biết từ	450	8,41	1,83	2
Dự đoán từ	449	8,98	1,44	1
Liên kết từ	450	8,40	1,53	3
Thông hiểu	450	6,41	1,97	4
Đọc hiểu	450	32,20	4,85	

Thực trạng về kĩ năng đọc trơn của học sinh lớp 3 được đánh giá qua kĩ năng phát âm- ghép vần, thể hiện ngữ điệu và tốc độ đọc.

Số liệu ở bảng 3 cho thấy: khả năng đọc của học sinh khá lưu loát và nhanh với tốc độ đọc trung bình là 142,9 từ/ phút (gần gấp 2 lần so với yêu cầu về tốc độ đọc của chương trình là tối thiểu đạt 70 từ/ phút). Học sinh có khả năng phát âm- ghép vần tốt hơn khả năng thể hiện ngữ điệu khi đọc ( $\bar{X} = 0,79đ$  so với 0,49đ).

Qua quan sát kĩ năng đọc trơn của học sinh trên lớp và qua ý kiến của giáo viên, chúng tôi thấy: Về phát âm- ghép vần, học sinh thường mắc các lỗi như: thêm từ (chiếm 1,1%), sót từ (chiếm 2,7%) và đọc sai từ (chiếm 18%). Về thể hiện ngữ điệu, học sinh mắc các lỗi ngắt sai dấu câu, đọc tách từ ra làm hai (chiếm 50,2%) và đọc giọng bé, không rõ ràng (chiếm 6,7%). Trong đó, học sinh mắc các lỗi đọc ngắt sai dấu câu, ngắt không đúng nhiều nhất ( $\bar{X} = 1,19$  lỗi/ bài), xếp thứ hai là lỗi đọc sai từ ( $\bar{X} = 0,24$  lỗi/ bài). Số lỗi học sinh mắc phải tối thiểu là 1 lỗi và tối đa là 6 hoặc 7 lỗi trong một bài đọc.

\* Kĩ năng đọc hiểu của học sinh lớp 3

Kĩ năng đọc hiểu của học sinh được đánh giá qua khả năng nhận biết từ, dự đoán từ, liên kết ngữ nghĩa và thông hiểu nội dung văn bản. Số liệu ở bảng 4 cho thấy: học sinh lớp 3 có kĩ năng dự đoán từ tốt nhất ( $\bar{X} = 8,98đ$ ), xếp thứ 2 là kĩ năng nhận biết từ ( $\bar{X} = 8,41đ$ ), tiếp theo là kĩ năng liên kết từ ( $\bar{X} = 8,40đ$ ) và kém nhất là kĩ năng thông hiểu nội dung ( $\bar{X} = 6,41đ$ ).

Qua nghiên cứu cho thấy, kĩ năng dự đoán từ của học sinh là kĩ năng tốt nhất trong các kĩ năng thành phần của kĩ năng thông hiểu, điều này thể hiện ở số học sinh làm đúng đạt từ 71,3% đến 87,1%. Kết quả này được giải thích bởi các yếu tố sau: Kĩ năng dự đoán từ của học sinh được dựa vào các từ "kích thích" (gợi ý) đã cho trước hoặc trong ngữ cảnh của từng câu hoặc đoạn văn.

Những từ dự đoán được lập đi lập lại nhiều trong sách giáo khoa được học sinh sử dụng nhiều trong hành động lời nói, nhờ đó chúng trở nên quen thuộc và được ghi nhớ. Điểm trung bình của học sinh đạt được ở tiểu bài tập "Đoán từ để ghép thành câu trả lời cho câu hỏi như thế

nào" đạt mức cao nhất ( $\bar{X}=1,87\text{đ}/2\text{đ}$ ), xếp thứ 2 là "Đoán nghĩa của đoạn văn" ( $\bar{X}=0,87\text{đ}/1\text{đ}$ ), tiếp theo là khả năng đoán từ dựa vào các từ cho trước trong một đoạn văn và đoán từ cùng nghĩa, trái nghĩa ( $\bar{X}=4,52\text{đ}/5\text{đ}$  và  $\bar{X}=1,73\text{đ}/2\text{đ}$ ).

Về kĩ năng nhận biết từ: Đa số học sinh (91,3% và 85,6%) đã có kĩ năng nhận biết nghĩa của các từ trong câu văn (có ngữ cảnh) và nhận biết nghĩa của các từ đã học, số điểm trung bình đạt được ở tiểu bài tập này đạt ( $\bar{X}=0,91\text{đ}/1\text{đ}$  và  $\bar{X}=2,69\text{đ}/3\text{đ}$ ). Các em có khả năng liên tưởng giữa con chữ- âm thanh, đây là kĩ năng cơ bản của quá trình đọc, điểm trung bình của bài tập nhận biết cách phát âm của từ đạt ( $\bar{X}=1,80\text{đ}/2\text{đ}$ ) và có 81,8% học sinh trả lời đúng, tuy nhiên vẫn còn một số em phát âm sai, ngọng nên khi làm bài tập này cũng trả lời sai, viết sai l/n (chiếm 19,2%). Xếp thứ 4 là khả năng nhận biết các từ cùng nghĩa, có 75,1% học sinh trả lời đúng bài tập này (với  $\bar{X}=2,46\text{đ}/3\text{đ}$ ). Điểm trung bình ở bài tập nhận biết giọng đọc của các từ trong câu văn (có ngữ cảnh) của học sinh lớp 3 có số điểm thấp nhất ( $\bar{X}=0,56\text{đ}/1\text{đ}$ ), điều này cho thấy khả năng thể hiện ngữ điệu khi đọc chưa tốt.

Về kĩ năng liên kết ngữ nghĩa: Học sinh có kĩ năng liên kết giữa câu trả lời và câu hỏi tốt nhất ( $\bar{X}=2,94/3\text{đ}$ ), tiếp theo là kĩ năng liên kết giữa các câu tạo thành đoạn văn có nghĩa ( $\bar{X}=2,42/3\text{đ}$ ). Kĩ năng liên kết giữa các thành phần cấu trúc câu kém nhất ( $\bar{X}=3,04/4\text{đ}$ ), do trình độ tư duy còn hạn chế nên các em chưa nắm chắc cấu trúc ngữ pháp, các thành phần chủ ngữ- vị ngữ, chưa biết cách đặt đúng dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi...) trong một đoạn văn, vì vậy ở bài tập này chỉ có 37,8% học sinh trả lời đúng.

Về kĩ năng thông hiểu: Đa số học sinh (93,3%) đã nhận biết được đầy đủ các chi tiết của bài đọc, trung bình điểm bài tập này đạt ở mức cao nhất ( $\bar{X}=1,88/2\text{đ}$ ). Xếp thứ hai là kĩ năng nhận biết được động cơ của tác giả ( $\bar{X}=1,59/2\text{đ}$ ), tiếp theo là kĩ năng nhận biết các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài đọc với trung bình điểm đạt ở bài tập này là ( $\bar{X}=1,41/2\text{đ}$ ). Tuy nhiên, ở tiểu bài tập xác định trình tự thời gian được đề cập trong bài đọc và xác định mục đích chính của bài đọc có số điểm trung bình đạt được rất thấp ( $\bar{X}=0,81/2\text{đ}$  và  $0,71/2\text{đ}$ ). Số học sinh trả lời đúng cho các bài tập này chỉ chiếm 41,6% và 35,3%. Nguyên nhân do trình độ tư duy còn ở mức độ trực quan cụ thể nên các em hiểu nghĩa dựa trên những chi tiết cụ thể, khả năng suy luận, khái quát vấn đề trên cơ sở nhận biết và liên kết ngữ nghĩa giữa các từ, câu và ý trong bài với nhau còn yếu, vì vậy các em không nhận ra được mục đích chính của bài đọc.

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy có sự tương quan thuận và chặt chẽ giữa sự thông hiểu và tốc độ đọc của học sinh với  $r=0,26$  và  $p=0,00$ .

Trong khi đọc, tốc độ đọc không phải là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến sự thông hiểu nội dung bài đọc của học sinh. Ngoài tốc độ đọc còn có nhiều yếu tố khác ảnh hưởng đến sự thông hiểu như khả năng nhận biết từ, dự đoán từ, liên kết ngữ nghĩa... cũng như nội dung, cấu trúc của bài đọc. Tuy không phải ai đọc nhanh cũng hiểu tốt và đọc chậm là hiểu kém, nhưng nhìn chung phần lớn những em đọc nhanh thường hiểu bài tốt hơn những em đọc chậm.

Có mối tương quan thuận và chặt chẽ giữa kết quả đánh giá về kĩ năng đọc hiểu của chúng tôi với kết quả học phân môn Tập đọc của học sinh trên lớp do giáo viên đánh giá với  $r=0,42$  và  $p=0,00$ .

### 3. Nguyên nhân của thực trạng kĩ năng đọc ở học sinh lớp 3

Tổng hợp số liệu qua quan sát, ý kiến của học sinh, phụ huynh học sinh và giáo viên (bảng 5) cho thấy một số nguyên nhân ảnh hưởng đến kĩ năng đọc của học sinh (xem bảng 5).

Thứ nhất, nhóm nguyên nhân từ phía học sinh: Các em học đọc đạt kết quả tốt do đã nhận thức được "đọc bài là công việc rất quan trọng và cần thiết" ( $\bar{X}=0,42$ ), "thường xuyên đọc bài ở nhà" ( $\bar{X}=0,30$ ), "luôn tập trung chú ý" ( $\bar{X}=0,29$ ) và "có tâm trạng thoải mái" khi đọc bài ( $\bar{X}=0,24$ ). Học đọc là một hoạt động đòi hỏi sự tập trung chú ý tri giác, nhận biết, phân biệt mới nhận ra các kí hiệu chữ viết, âm, vần, từ đó phát âm được chúng. Có chú ý và luyện tập thường xuyên các em sẽ đọc đúng không bị vấp, mắc nhiều lỗi và hiểu được nội dung văn bản. Bên cạnh đó, có một số nguyên nhân gây khó khăn cho việc học đọc ở trẻ là "do bản thân có nhiều khó khăn như có tật nói lắp, nói ngọng, thị lực kém, nghe kém..." ( $\bar{X}=0,2$ ). Qua nghiên cứu cho thấy, số học sinh có tật nói lắp, nói ngọng (chiếm 8,3%), thị lực kém -13,7% và nghe kém 3,9%.

Thứ hai, nhóm nguyên nhân từ phía giáo viên: do "cô giáo dạy rất kĩ các quy tắc đọc bài" ( $\bar{X}=0,3$ ), "cô giáo đọc bài hay và dễ nghe" ( $\bar{X}=0,19$ ), nên các em có kĩ năng đọc tốt. Giáo viên dạy môn Tiếng Việt lớp 3 đã có nhận thức tốt về mục tiêu dạy là nhằm hình thành kĩ năng đọc cơ bản ( $\bar{X}=3,0$ ), tạo sự thích thú trong việc đọc ( $\bar{X}=2,6$ ) và để vận dụng trong giao tiếp cuộc sống hằng ngày ( $\bar{X}=2,6$ ), nhưng việc hình thành và phát triển văn hoá đọc chưa được coi trọng ( $\bar{X}=2,4$ ). Trong giờ dạy Tập đọc, giáo viên đã sử dụng nhiều biện pháp nhằm rèn luyện kĩ năng đọc và phát huy tính tích cực cho các em như luyện theo mẫu ( $\bar{X}=0,9$ ), giải nghĩa từ bằng các biện pháp trực quan ( $\bar{X}=0,8$ ), thảo luận nhóm, chơi trò chơi đóng vai để đọc ( $\bar{X}=0,6$ ).

Thứ ba, nhóm nguyên nhân từ nội dung, chương trình sách giáo khoa: Bài đọc có nhiều cấu trúc phức tạp" là nguyên nhân gây khó khăn cho học sinh khi đọc ( $\bar{X}=0,13$ ). Trong chương



Bảng 5: Nguyên nhân khiến học sinh học đọc đạt kết quả tốt

TT	Nguyên nhân	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Em thấy việc đọc bài là công việc rất quan trọng và cần thiết	450	0,42	0,49	1
2	Khi đọc bài em luôn tập trung chú ý	450	0,29	0,45	4
3	Khi đọc bài em luôn có tâm trạng thoải mái	450	0,24	0,43	5
4	Em có năng khiếu đọc	450	0,08	0,26	11
5	Em thường xuyên đọc bài ở nhà	450	0,30	0,45	2
6	Bài đọc ngắn gọn	450	0,02	0,15	13
7	Bài đọc có cấu trúc đơn giản	450	0,04	0,20	12
8	Bài đọc không có từ mới nên dễ hiểu	450	0,02	0,14	13
9	Bài đọc có nhiều thông tin mới	450	0,18	0,38	8
10	Bài đọc rất hấp dẫn	450	0,19	0,39	6
11	Cô giáo dạy rất kĩ các quy tắc đọc bài	450	0,30	0,45	2
12	Cô giáo đọc bài hay	450	0,19	0,39	6
13	Cô giáo đọc bài dễ nghe	450	0,11	0,31	9
14	Được hướng dẫn tập đọc ở nhà	450	0,10	0,30	10

trình SGK Tiếng Việt lớp 3 có một số bài đọc văn xuôi thể loại tự sự có nhiều câu dài, cấu trúc phức tạp như "Quà của đồng nội", "Con cò", "Người đi săn và con vượn",... học sinh thường mắc nhiều lỗi khi đọc các bài văn này ( $\bar{X}=0,2$ ). Qua nghiên cứu cho thấy, số học sinh có tật nói lắp, nói ngọng (chiếm 8,3%), thị lực kém -13,7% và nghe kém - 3,9%.

Thứ tư, nhóm nguyên nhân từ phía phụ huynh học sinh: Sự quan tâm của phụ huynh đối với việc học đọc của con có ý nghĩa rất quan trọng. Các em đọc kém vì nguyên nhân "không được hướng dẫn tập đọc ở nhà" ( $\bar{X}=0,06$ ). Tìm hiểu ý kiến của phụ huynh cho thấy: Có 27,1% phụ huynh thường xuyên kiểm tra và hướng dẫn con học bài, còn lại phần lớn phụ huynh (70,7%) chỉ nhắc nhở con học bài và một số phụ huynh không quan tâm đến việc học của con (2,2%).

Tóm lại, phát triển kĩ năng đọc của học sinh lớp 3 là một yêu cầu cấp thiết. Để thực hiện được yêu cầu này, đòi hỏi học sinh phải thường xuyên luyện đọc bài, chuẩn bị kĩ bài về nhà, tập trả lời các câu hỏi và tích cực đọc sách, báo, đồng thời mỗi giáo viên phải có ý thức rèn luyện tay nghề sư phạm nói chung, kĩ năng đọc và dạy đọc nói riêng trong hoạt động thực tiễn của bản thân. Ngoài ra, gia đình cần tạo điều kiện học tập tốt cho con, dành thời gian quan tâm, kiểm tra, hướng dẫn giúp con đọc đúng, lắng nghe trẻ đọc, sửa sai và hỏi về nội dung bài đọc; Nhà trường và Sở GD-ĐT cần cung cấp đồ dùng dạy học cho phân môn Tiếng Việt, chỉ đạo kịp thời các nội dung đổi mới và phương pháp soạn bài

đọc phù hợp với học sinh đồng thời tổ chức cho học sinh được đọc sách trên thư viện và thi đọc. Chương trình SGK Tiếng Việt, nên thiết kế bài đọc (đặc biệt là thể loại thơ) trên cùng một trang giúp học sinh đọc tốt hơn, tránh nhầm lẫn về trật tự cấu trúc khổ thơ, về nội dung bài đọc gây gãi để hiểu, có sức truyền cảm để thu hút, gắn với thực tế đời sống của học sinh.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Phương Nga, *Dạy học tập đọc ở tiểu học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.
2. N.A. Menchinxkaia. *Những vấn đề tâm lí của dạy học phát triển và chương trình mới*. Thanh Soạn dịch, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội, 1973.
3. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), *Tiếng Việt lớp 3*. Tập 1,2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004.
4. Nguyễn Trí. *Dạy và học môn Tiếng Việt ở Tiểu học theo chương trình mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
5. J.A. Downing (Editor), *Cognitive Psychology and Reading in the USSR*. Elsevier Science Publishers BV (North Holland), 1988.

#### SUMMARY

The author presents the results obtained in studying the current reading skills of 3rd graders based on the Vietnamese Language curriculum and textbooks. In the article, the author raises some theoretical issues on reading skills, the current reading skills of 3rd graders and causes of the problem.